

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BÌNH CHÁNH
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 759/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 04-8-2022

V/v tranh chấp về ly hôn

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH CHÁNH - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Tạ Nam Phương.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Vũ Huy Hoàng.
2. Ông Nguyễn Quang Tuấn.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đặng Thị Thúy - Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh.

Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh tham gia phiên tòa:
Bà Vũ Thị Thái - Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 8 năm 2022, tại phòng xử án của Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 606/2021/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 11 năm 2021, về việc “Tranh chấp về ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 209/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 14 tháng 6 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 191/2022/QĐST-HNGĐ ngày 07 tháng 7 năm 2022 giữa:

1. *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị Kim Â, sinh năm: 2000 (có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp A, xã B, thị xã C, tỉnh Tiền Giang.

Chỗ ở hiện tại: X, huyện K, tỉnh Long An.

2. *Bị đơn:* Ông Lê Văn Tr, sinh năm: 1996 (Vắng mặt không có lý do).

Địa chỉ: G, huyện M, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn xin ly hôn, bản tự khai, biên bản về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, biên bản không tiến hành hòa giải được – nguyên đơn bà Nguyễn Thị Kim Â trình bày: Bà và ông Lê Văn Tr do quen biết khoảng 8, 9 tháng thì tiến tới hôn nhân, có tổ chức đám cưới năm 2018, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Bình Lợi, huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh theo giấy

chứng nhận kết hôn số 03 ngày 05/01/2019. Sau khi cưới vợ chồng sống với gia đình chồng được một năm rưỡi thì hai vợ chồng ly thân.

Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc bình thường, không có gì xảy ra. Đến khoảng đầu năm 2020 thì vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, chồng hay chơi bời, không lo làm ăn phụ giúp gia đình, không quan tâm đến vợ con, mặc dù bà đã khuyên bảo nhiều lần nhưng ông Tr không thay đổi. Hai bên sống ly thân cách nay được khoảng hai năm, bà mang con về Tiền Giang sinh sống cho đến nay, hiện nay bà để con ở nhà cho cha mẹ bà giữ giùm, bà đi làm thuê ở Bến Lức. Trong quá trình chung sống có 01 con chung tên Lê Quý V, sinh ngày 17/08/2019 hiện nay đang ở với bà.

Từ lúc hai bên sống ly thân là tháng 02/2020 cho đến nay, chồng bà không có thiện chí hàn gắn. Hai bên gia đình người lớn có gặp mặt nói chuyện nhưng cũng không hàn gắn được tình cảm của vợ chồng bà.

Hiện nay công việc của bà là nhân viên phục vụ, thu nhập của ổn định, lương trung bình khoảng 15.000.000đ/tháng, đảm bảo đủ để nuôi con.

Nay bà không còn tình cảm với ông Tr nữa, yêu cầu được ly hôn với ông Tr.

- Về con chung: bà A xin nuôi con chung tên Lê Quý V, sinh ngày 17/08/2019, không yêu cầu ông Lê Văn Tr cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: bà A xác nhận không có.

- Về nợ chung: bà A xác nhận không có.

Bị đơn ông Lê Văn Tr vắng mặt trong suốt quá trình Tòa án giải quyết vụ án mặc dù đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ nên Tòa án không thể ghi nhận ý kiến của ông Tr í.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án như sau: về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký, việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã thực hiện đúng theo quy định tại Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Nguyễn Thị Kim A đối với ông Lê Văn Tr; Về con chung: giao trẻ Lê Quý V (nam), sinh ngày 17/8/2019 cho bà Nguyễn Thị Kim A được tiếp tục trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng; Tài sản chung: không có; Nợ chung: không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Bà Nguyễn Thị Kim A nộp đơn xin ly hôn đối với ông Lê Văn Tr. Ông Lê Văn Tr hiện đang cư trú tại huyện Bình Chánh. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35,

điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh.

[2] Ông Lê Văn Tr đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai mà vẫn vắng mặt nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông Lê Văn Tr theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Bà Nguyễn Thị Kim Á có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bà Á theo quy định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng mời ông Lê Văn Tr đến Tòa án để giải quyết vụ án tranh chấp về ly hôn giữa bà Á với ông Tr nhưng ông Tr không đến Tòa án để giải quyết. Vì vậy, ông Lê Văn Tr đã tự tước bỏ quyền được chứng minh của mình và phải chịu hậu quả của việc không chứng minh theo quy định tại Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[4] Về quan hệ vợ chồng: Theo giấy chứng nhận kết hôn số 03 do Ủy ban nhân dân xã Bình Lợi, huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 05/01/2019 có cơ sở xác định quan hệ hôn nhân giữa bà Nguyễn Thị Kim Á với ông Lê Văn Tr là hôn nhân hợp pháp được quy định tại Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[5] Bà Á xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn vợ chồng giữa bà Á và ông Tr không thể hàn gắn được, nên bà yêu cầu được ly hôn với ông Tr để mỗi người tạo dựng cuộc sống riêng. Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu trên hoàn toàn phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Bởi lẽ, theo lời trình bày của bà Á thì giữa bà và ông Tr bất đồng quan điểm sống, tính tình không hòa hợp, vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi vã, mâu thuẫn trầm trọng, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc, vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 02 năm 2020 cho đến nay. Như vậy, vợ chồng không còn sự quan tâm chăm sóc lẫn nhau, không cùng nhau vun đắp hạnh phúc gia đình. Mặt khác, trong quá trình hòa giải tại Tòa, ông Tr cũng không đến Tòa án tham gia tố tụng theo giấy triệu tập để Tòa án hòa giải, động viên hai bên đoàn tụ, hàn gắn tình cảm vợ chồng, điều này chứng tỏ ông Tr không có thiện chí để đoàn tụ, mục đích hôn nhân giữa ông Tr và bà Á không đạt được. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Nguyễn Thị Kim Á đối với ông Lê Văn Tr.

[6] Về con chung: Bà Nguyễn Thị Kim Á với ông Lê Văn Tr có 01 con chung tên Lê Quý V (giới tính nam), sinh ngày: 17/08/2019. Sau khi ly hôn, bà Á yêu cầu được trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng trẻ Vương, bà không yêu cầu ông Tr có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con. Ông Tr vắng mặt không thể hiện ý kiến nên Hội đồng xét xử chỉ xem xét giải quyết vấn đề con chung theo yêu cầu của bà Á, nếu sau này các đương sự có tranh chấp sẽ được giải quyết trong một vụ án khác. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà Á, giao trẻ Lê Quý V (giới tính

nam), sinh ngày: 17/08/2019 cho bà Á trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng, tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con đối với ông Tr cho đến khi bà Á có yêu cầu.

[7] Về tài sản chung: bà Á xác nhận không có nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[8] Về nợ chung: bà Á xác nhận không có nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[9] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[10] Về án phí: Do yêu cầu của bà Á được chấp nhận nên bà Á phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 91, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 9, Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 và Điều 116 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ vợ chồng: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Nguyễn Thị Kim Á với ông Lê Văn Tr.

Bà Nguyễn Thị Kim Á được ly hôn với ông Lê Văn Tr.

Giấy chứng nhận kết hôn số 03 do Ủy ban nhân dân Bình Lợi, huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 21/09/2017 không còn giá trị pháp lý.

2. Về con chung: Bà Nguyễn Thị Kim Á và ông Lê Văn Tr có 01 con chung tên Lê Quý V (giới tính nam), sinh ngày 05/01/2019. Bà Nguyễn Thị Kim Á được quyền tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục trẻ Lê Quý V; tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con đối với ông Lê Văn Tr.

Ông Lê Văn Tr có quyền tới lui thăm nom, chăm sóc con chung không ai có quyền ngăn cản. Vì lợi ích con chung, khi cần thiết các bên có quyền xin thay đổi việc nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con sau này theo quy định tại Điều 83, Điều 84 và Điều 116 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Trường hợp người không Tr ực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom của người đó theo quy định tại Điều 82 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Hai bên thi hành dưới sự giám sát của cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

3. Về tài sản chung: không xem xét, giải quyết.

4. Về nợ chung: không xem xét, giải quyết.

5. Về án phí: Bà Nguyễn Thị Kim Â chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu ly hôn nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) mà bà Â đã nộp theo biên lai thu số AA/2021/0040169 ngày 12/11/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh; bà Â đã nộp đủ án phí.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

6. Về quyền kháng cáo:

- Thời hạn kháng cáo bản án của bà Â và ông Tr là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

- Thời hạn kháng nghị bản án của Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh là 15 ngày, của Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh là 01 tháng, kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Tòa án nhân dân TP.HCM;
- Viện kiểm sát nhân dân H.Bình Chánh;
- Chi cục Thi hành án dân sự H.Bình Chánh;
- Lưu VT, hồ sơ.



**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Tạ Nam Phương